

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố Cao Bằng)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện 3 tháng đầu năm 2025	So sánh ước thực hiện so với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
A	TỔNG THU NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	374.300	140.888	37,64	164,33
I	Thu cân đối NSNN	374.300	140.888	37,64	164,33
1	Thu Nội địa	374.300	140.888	37,64	164,33
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	600.224	108.427	19,05	123,11
I	Chi cân đối ngân sách	569.316	108.427	19,05	123,11
1	Chi đầu tư phát triển	4.642	3	0,07	0,11
2	Chi thường xuyên	553.347	108.424	19,59	127,28
3	Dự phòng ngân sách	11.327		-	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	30.908			

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố Cao Bằng)

ĐV tính: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện 3 tháng đầu năm 2025	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	374.300	140.888	37,64	164,33
I	Thu nội địa	374.300	140.888	37,64	164,33
1	Thu từ DNNN do TW quản lý	900	270	30,00	124,42
2	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	8.800	3.262	37,07	108,05
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	130.800	56.950	43,54	134,82
4	Thuế thu nhập cá nhân	31.500	11.914	37,82	96,66
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	38.150	10.742	28,16	100,31
7	Thu phí, lệ phí	17.200	6.424	37,35	109,51
8	Các khoản thu về nhà, đất	128.800	44.440	34,50	592,22
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.800	153	8,50	103,38
-	Thu tiền sử dụng đất	100.000	40.061	40,06	565,43
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	27.000	4.226	15,65	1.559,41
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.650	356	13,43	1.424,00
10	Thu khác ngân sách	15.500	5.560	35,87	145,21
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
12	Các khoản huy động theo quy định của pháp luật		970		
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	229.500	97.089	42,30	134,95
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	229.500	97.089	42,30	134,95

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố Cao Bằng)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện 3 tháng đầu năm 2025	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	600.224	108.427	18,06	123,11
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	569.316	108.427	19,05	123,11
I	Chi đầu tư phát triển	4.642	3,28	0,07	0,11
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.642	3,28	0,07	0,11
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	553.347	108.424	19,59	127,28
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề	277.813	53.390	19,22	132,61
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	27.796	4.893	17,60	121,14
4	Chi văn hoá thông tin	4.822	335	6,95	146,93
5	Chi phát thanh truyền hình	355	367	103,38	152,92
6	Chi thể dục thể thao	1.017	62	6,10	151,22
7	Chi bảo vệ môi trường	40.110	13.628	33,98	129,52
8	Chi hoạt động kinh tế	40.413	2.422	5,99	54,11
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	124.816	25.563	20,48	128,98
10	Chi an ninh quốc phòng	13.582	2.588	19,05	156,66
11	Chi đảm bảo xã hội	22.623	5.176	22,88	132,51
III	Dự phòng Ngân sách	11.327		0,00	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	30.908	-	0,00	
1	Chi các chương trình MTQG	5.100	-		
+	Vốn đầu tư	3.232			
+	Vốn sự nghiệp	1.868			
2	Chi chương trình mục tiêu nhiệm vụ	25.808	-		
+	Vốn đầu tư	9.000			
+	Vốn sự nghiệp	16.808			